

STT	Tên công trình	Mã	Tổng diện tích dự án	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số);	Ghi chú
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch gồm: 66 công trình, dự án									
1	Nhà làm việc công an xã Đắk La	CAN	0,19	0,19	0,19	0,00	CAN	Xã Đắk La	27 (1314)	Nghị quyết 12/NQ-ĐUCA ngày 25/7/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương; Công văn số 3801/BCA-H01 ngày 01/11/2022 của Bộ Công an; Công văn số 3740/CAT-PH10 ngày 30/11 của Công an tỉnh Kon Tum
2	Nhà làm việc công an xã Đắk Hring	CAN	0,13	0,13	0,13	0,00	CAN	Xã Đắk	130 (312)	
3	Nhà làm việc công an xã Đắk Long	CAN	0,19	0,19	0,19	0,00	CAN	Xã Đắk La	17 (446)	
4	Nhà làm việc công an xã Đắk Mar	CAN	0,10	0,10	0,10	0,00	CAN	Xã Đắk Mar	47 (15)	
5	Nhà làm việc công an xã Đắk Ngok	CAN	0,10	0,10	0,10	0,00	CAN	Xã Đắk Ngok	38 (403)	
6	Nhà làm việc công an xã Đắk Pxi	CAN	0,12	0,12	0,12	0,00	CAN	Xã Đắk Pxi	51 (332)	
7	Nhà làm việc công an xã Đắk Ui	CAN	0,10	0,10	0,10	0,00	CAN	Xã Đắk Ui	41 (503)	
8	Nhà làm việc công an xã Hà Môn	CAN	0,10	0,10	0,10	0,00	CAN	Xã Hà Môn	73 (20)	
9	Nhà làm việc công an xã Ngok Réo	CAN	0,10	0,10	0,10	0,00	CAN	Xã Ngok Réo	29 (1373)	
10	Nhà làm việc công an xã Ngok Wang	CAN	0,15	0,15	0,15	0,00	CAN	Xã Ngok Wang	48 (75)	
11	Nhà làm việc công an thị trấn Đắk Hà	CAN	0,17	0,17	0,17	0,00	CAN	TT Đắk Hà	16 (một phần thửa đất 14)	
12	Cơ sở làm việc Công an huyện Đắk Hà.(cơ sở 2)	CAN	2,91	2,91	0,00	2,91	CLN: 2,91 ha	TT Đắk Hà	50 (877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884)	Nghị quyết 12/NQ-ĐUCA ngày 25/7/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương; Công văn số 3801/BCA-H01 ngày 01/11/2022 của Bộ Công an; Văn bản số 3617/CAH-PH10 ngày 21/11/2022; Thông báo số 558-TB/HU ngày 21/12/2022 về Kết luận của Ban Thường vụ Huyện ủy Đắk Hà; Văn bản số 3531 ngày 23/12/2022 của UBND huyện Đắk Hà
13	Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đắk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	CQP	5,36	5,36	0,00	5,36	HNK: 1,93 ha; CLN: 3,34 ha; RSN: 0,05 ha; DTL: 0,03 ha	Xã Đắk Pxi	Bản đồ hiện trạng	Quyết định số 887/QĐ-QK ngày 14/6/2021 của Quân khu 5 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đắk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Hà; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện Đắk Hà
14	Dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đắk Pxi, huyện Đắk Hà	DGT	12,45	12,45	0,02	12,43	HNK: 0,29 ha; CLN: 0,1 ha; RSN: 0,81 ha; SON: 0,04 ha; DCS: 11,19 ha	Xã Đắk Pxi	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
15	Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đắk Cấm, thành phố Kon Tum	DTL	32,78	32,78	1,29	31,49	LUC: 0,91 ha; LUK: 0,49 ha; HNK: 2,24 ha; CLN: 21,19 ha; NTS: 1,62 ha; DGT: 0,82 ha; SON: 4,22 ha	Xã Ngok Wang	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 25/4/2023, HĐND tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Kon Tum ; Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đắk Cấm, thành phố Kon Tum; Quyết định số 200/QĐ-UBND, ngày 21/4/2023 Phê duyệt dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đắk Cấm, thành phố Kon Tum
16	Đường Nguyễn Trãi, thị trấn Đắk Hà	DGT	1,06	1,06		1,06	CLN: 1 ha; ODT: 0,05 ha; SON: 0,01 ha	TT Đắk Hà	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
17	Tiểu dự án 1: Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô và huyện Ngoc Hồi (thuộc địa phận xã Đắk Hring)	DTL	0,13	0,13		0,13	CLN: 0,13 ha	Xã Đắk Hring	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
18	Tiểu dự án 2: Hiện đại hóa thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Hà và huyện Kon Rẫy - Xã Ngok Réo (hệ thống thủy lợi Kon Braih 1, Kon Braih 2)	DTL	26,03	26,03		26,03	LUC: 1,42 ha; HNK: 7,91 ha; CLN: 15 ha; DGT: 1,7 ha	Xã Ngok Réo	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
19	Điểm trường mẫu giáo Kon Teo Đắk Lấp	DGD	0,30	0,30		0,30	CLN: 0,3 ha	Xã Đắk Long	38 (1057+950)	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

STT	Tên công trình	Mã	Tổng diện tích dự án	thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số);	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
20	Trạm y tế xã Đăk Pxi	DYT	0,17	0,17	0,17	0,00	DYT	Xã Đăk Pxi	51 (233, 250)	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
21	Đường vào chùa Khánh Phước	DGT	0,04	0,04		0,04	CLN: 0,02 ha; ONT: 0,02 ha	Xã Đăk La	11 (87)	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
22	Khu tổ hợp thương mại - dịch vụ - du lịch (Khu du lịch sinh thái thác Đăk Pe, xã Đăk Pxi) - Đơn đăng ký của ông Vũ Văn Ngân	TMD	1,64	1,64		1,64	HNK: 1,64 ha	Xã Đăk Pxi	27 (663)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
23	Mở rộng Cơ sở thu mua chế biến bởi lời tại thôn 1 xã Đăk La	SKC	1,50	1,50	0,2	1,30	HNK: 1,3 ha	Xã Đăk La		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
24	Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, do Công ty TNHH Công nghệ Thương mại Thành Trung	SKS	6,47	6,47		6,47	CLN: 6,47 ha	Xã Đăk La	36 (Thửa đất 28, 31, 32, 37, 38, 41, 46, 49, 51, 52)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
25	Mở rộng cụm công nghiệp Đăk La (diện tích quy hoạch là 73,78ha)	SKN	35,90	35,90	15,9	20,00	CLN: 20 ha	Xã Đăk La	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
26	<i>Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok)</i>		-	-					45 (150)	Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum;
	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,96	1,96		1,96	LUC: 1,96 ha	Xã Đăk Ngok		
	Đất giao thông	DGT	0,28	0,28		0,28	LUC: 0,28 ha	Xã Đăk Ngok		
27	Đất thương mại dịch vụ xã Đăk La: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (ông Nguyễn Văn Minh đăng ký tại thửa đất 11, tờ bản đồ 05A bản đồ đo đạc giải thửa - năm 1998)	TMD	0,32	0,32		0,32	CLN: 0,32 ha	Xã Đăk La	52 (84)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
28	Cửa hàng thu mua nông sản của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nam - Vị trí 1	TMD	0,10	0,10		0,10	HNK: 0,1 ha	Xã Đăk Pxi	33 (73)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
29	Cửa hàng thu mua nông sản của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nam - Vị trí 2	TMD	0,10	0,10		0,10	HNK: 0,1 ha	Xã Đăk Pxi	33 (978)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
30	Cửa hàng xăng dầu Đức Trí (chuyển mục đích từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ; Đầu nổi giao thông) - Đơn đăng ký ông Võ Văn Nhiệm	TMD	0,12	0,12	0,04	0,08	SKC: 0,08 ha	Xã Đăk Hring	147 (38,46)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
31	Cửa hàng xăng dầu Ánh Nguyệt Phát (chuyển mục đích từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, sang đất thương mại dịch vụ) - Đơn đăng của bà Võ Thị Nguyệt Ánh) thửa 15a, 15b, 18 tờ bản đồ 09 (bản đồ giải thửa năm 2001; thửa 1278 tờ 27)	TMD	0,60	0,60		0,60	SKC: 0,6 ha	Xã Đăk La	27 (263)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
32	Tịnh xá quán âm tại TDP 6, thị trấn Đăk Hà (thửa đất 222, tờ bản đồ số 10)	TON	0,11	0,11		0,11	CLN: 0,11 ha	TT Đăk Hà	10 (222)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
33	Đầu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân Lập B và thôn Kon Hnông Yôp, Xã Đăk Hring	ONT	1,35	1,35	1,35	0,00	ONT	Xã Đăk Hring	Tờ bản đồ 157, 158, 159	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
34	Đầu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía Đông tại thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring	ONT	2,65	2,65	2,65	0,00	ONT	Xã Đăk Hring	Tờ bản đồ 160, 161	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
35	Đầu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Đăk Hring đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	ONT	0,06	0,06	0,06	0,00	ONT	Xã Đăk Hring	130 (189, 301)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
36	Đầu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Ngok Wang đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	ONT	0,15	0,15	0,15	0,00	ONT	xã Ngok Wang	48 (330, 331)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
37	Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731 (thửa đất số 12 tờ bản đồ 69), tại thôn 3, đường Trường Chinh	ONT	0,01	0,01	0,01	0,00	ONT	Xã Hà Môn	69 (12)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
38	Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ tại đường Nguyễn Thượng Hiền, Tổ dân phố 2B, thị trấn Đăk Hà	ODT	0,17	0,17	0,17	0,00	ODT	TT Đăk Hà	60 (468)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
39	Đầu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Hai Bà Trưng, thị trấn Đăk Hà	ODT	0,13	0,13	0,13	0,00	ODT	TT Đăk Hà	50 (650, 651, 652, 653, 654)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
40	Đầu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại khu E, tổ dân phố 7, thị trấn Đăk Hà	ODT	0,24	0,24	0,24	0,00	ODT	TT Đăk Hà	50 (634)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
41	Đầu giá hoặc giao đất nhỏ hẹp thuộc quỹ đất tạo vốn do UBND thị trấn quản lý tại thị trấn Đăk Hà	ODT	1,00	1,00	1,00	0,00	ODT	TT Đăk Hà	Nền bản đồ hiện trạng	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
42	Đầu giá QSDĐ công ích 5% do UBND xã Đăk La quản lý	LUC	20,00	20,00	20,00	0,00	LUC	Xã Đăk La	Nền bản đồ hiện trạng	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)

STT	Tên công trình	Mã	Tổng diện tích dự án	thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số);	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
59	Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Ngọc Réo (điểm trường Thôn Kon Braih, thôn Đăk Phía, Thôn Kon Stiù)	DGD	0,19	0,19	0,19	0,00	DGD	Xã Ngọc Réo	Nền bản đồ hiện trạng	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Đăk Pxi gồm 4 vị trí (điểm trường chính, điểm trường thôn Kon Pao Kơ La, thôn Đăk Kơ Dương, thôn Krong Đuân)	DGD	1,39	1,39	1,39	0,00	DGD	Xã Đăk Pxi		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường TH Lê Quý Đôn, thị trấn Đăk Hà	DGD	1,05	1,05	1,05	0,00	DGD	TT Đăk Hà		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường TH Bế Văn Đàn, xã Đăk Hring	DGD	0,21	0,21	0,21	0,00	DGD	Xã Đăk Hring		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường TH Lê Đình Chinh, xã Đăk La gồm 04 vị trí (gồm: Điểm trường chính, thôn 9, thôn 10 - 02 điểm)	DGD	0,50	0,50	0,50	0,00	DGD	Xã Đăk La		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường TH Lê Văn Tám, thị trấn Đăk Hà (điểm trường thôn Long Loi)	DGD	0,13	0,13	0,13	0,00	DGD	TT Đăk Hà		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường THCS Chu Văn An, thị trấn Đăk Hà	DGD	0,13	0,13	0,13	0,00	DGD	TT Đăk Hà		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Thư viện huyện Đăk Hà	DGD	0,13	0,13	0,13	0,00	DGD	TT Đăk Hà		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường THCS Đăk Hring, xã Đăk Hring	DGD	0,44	0,44	0,44	0,00	DGD	Xã Đăk Hring		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường THCS Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đăk Hà	DGD	0,73	0,73	0,73	0,00	DGD	TT Đăk Hà		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường THCS xã Đăk La, gồm 02 vị trí (gồm điểm trường chính, điểm trường thôn 9)	DGD	2,13	2,13	2,13	0,00	DGD	Xã Đăk La		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Trường TH-THCS Xã Đăk Long, xã Đăk Long	DGD	1,22	1,22	1,22	0,00	DGD	Xã Đăk Long		Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
60	Đất trung tâm Y tế huyện Đăk Hà	DYT	1,50	1,50	1,50	0,00	DYT	TT Đăk Hà	9 (140)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Đất trạm y tế xã Đăk Ngok	DYT	0,23	0,23	0,23	0,00	DYT	Xã Đăk Ngok	Tờ bản đồ số 45	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Đất trạm y tế xã Đăk Long	DYT	0,57	0,57	0,57	0,00	DYT	Xã Đăk Long	18 (211)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Đất trạm y tế xã Đăk Hring	DYT	0,23	0,23	0,23	0,00	DYT	Xã Đăk Hring	131 (240)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Đất trạm y tế xã Ngọc Réo	DYT	0,14	0,14	0,14	0,00	DYT	Xã Ngọc Réo	28 (238)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
	Đất trạm y tế xã Đăk La	DYT	0,17	0,17	0,17	0,00	DYT	Xã Đăk La	34 (10)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
61	Chợ trung tâm huyện Đăk Hà	DCH	1,00	1,00	1,00	0,00	DCH	TT Đăk Hà	25 (79,104)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
62	Nhà văn hóa thôn Kon Hnong Yop	DSH	0,01	0,01	0,01	0,00	DSH	Xã Đăk Hring	159 (24)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
63	Nhà văn hóa thôn 5 xã Hà Mòn	DSH	0,01	0,01	0,01	0,00	DSH	Xã Hà Mòn	64 (1)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
64	Trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Hà	DSK	0,24	0,24	0,24	0,00	DSK	Xã Đăk Hring	45 (170)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2024)
65	Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Ngọc Wang	DGT	6,40	6,40	4,00	2,40	CLN: 2,4 ha	Xã Đăk Ngok	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum;
66	Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Đăk Ui	DGT	4,40	4,40	4,40	0,00	DGT	Xã Đăk Ngok, xã Đăk Ui	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum;
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai gồm: 4 công trình, dự án		-	-						
1	Dự án Đầu tư khắc phục sạt lở đất ở suối Đăk Uy, huyện Đăk Hà (Xây dựng tuyến kè bảo vệ bờ bên phải thượng lưu cầu Đăk Uy)	DPC	1,00	1,00		1,00	HNK: 0,2 ha; CLN: 0,2 ha; SON: 0,4 ha; BCS: 0,2 ha	TT Đăk Hà	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
2	Đường giao thông từ TDP 10, thị trấn Đăk Hà đi xã Đăk Ngok (đoạn từ nhà ông Đoàn Ngọc Còi, TDP 10 đến giáp ranh giới xã Đăk Ngok)	DGT	1,00	1,00		1,00	CLN: 1 ha	TT Đăk Hà	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

STT	Tên công trình	Mã	Tổng diện tích dự án	Thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số);	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ và xen ghép xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	DGT	1,51	1,51	0,05	1,46	LUC: 0,1 ha; HNK: 0,86 ha; ONT: 0,05 ha; SON: 0,27 ha; DCS: 0,18 ha	Xã Đăk Pxi	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
4	Đất giao thông xã Đăk Pxi: Mở rộng đường lên khu sản xuất Đăk Pe	DGT	8,00	8,00	6,00	2,00	CLN: 2 ha	Xã Đăk Pxi	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum;
III	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch gồm: công trình, dự án		-	-						
1	Các Trạm bảo vệ rừng thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Hà		-	-				Toàn huyện		
	Trạm quản lý bảo vệ rừng Đăk Trưa	DSK	0,09	0,09		0,09	RPH: 0,09 ha	Xã Đăk Pxi	Bản đồ hiện trạng	
	Trạm quản lý bảo vệ rừng Ngọc Réo	DSK	0,56	0,56		0,56	HNK: 0,56 ha	Xã Ngọc Réo	15 (82)	Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao kế hoạch đầu tư năm 2023 vốn từ nguồn thu hợp pháp dành để đầu tư của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Hà;
	Trạm quản lý bảo vệ rừng Ngọc Réo	DSK	0,04	0,04		0,04	HNK: 0,04 ha	Xã Ngọc Réo	52 (60)	Quyết định số 88/QĐ-SKHDT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Sở Kế hoạch và đầu tư
	Trạm quản lý bảo vệ rừng Đăk Ui	DSK	0,03	0,03		0,03	HNK: 0,03 ha	Xã Đăk Ui	32 (590)	Quyết định số 87/QĐ-SKHDT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Sở Kế hoạch và đầu tư
2	Dự án Đường dây 220KV Bờ Y - Kon Tum Đoạn qua huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum		-	-		0,00	0,00	Toàn huyện		
		DNL	0,64	0,64		0,64	LUC: 0,01 ha; CLN: 0,63 ha	Xã Đăk La	Bản đồ hiện trạng	Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 04/09/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Trạm 220 kV Bờ Y và Đường dây 220kV Bờ Y –Kon Tum;
		DNL	0,19	0,19		0,19	CLN: 0,19 ha	Xã Hà Môn		
		DNL	0,31	0,31		0,31	CLN: 0,31 ha	TT Đăk Hà		
		DNL	0,30	0,30		0,30	CLN: 0,3 ha	Xã Đăk Mar		
		DNL	0,22	0,22		0,22	CLN: 0,22 ha	Xã Đăk		
3	Nhà văn hóa thị trấn Đăk Hà	DVH	0,16	0,16		0,16	DTT: 0,16 ha	TT Đăk Hà	16 (50)	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
4	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Đăk Ngọc	CQP	0,10	0,10		0,10	CQP: 0,1 ha	Xã Đăk Ngọc	Bản đồ hiện trạng	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
5	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Ngọc Réo	CQP	0,10	0,10		0,10	HNK: 0,1 ha	Xã Ngọc Réo	29 (1372)	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
6	Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự xã Đăk Mar	CQP	-	-		0,00	CQP	Xã Đăk Mar	47 (15)	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
7	Đấu giá QSD đất thương mại dịch vụ - Dự án: khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Tây Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B và thôn Kon Hnong Yốp, xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	TMD	0,17	0,17	0,17	0,00	TMD	Xã Đăk Hring	158 (22)	Nhu cầu của huyện
8	Đấu giá QSD đất thương mại dịch vụ thuộc Dự án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía tây Quốc lộ 14 (đoạn từ chùa kỳ Quang đến đường dây 500KW), xã Đăk Mar (TM1, TM 2, TM 3)	TMD	2,24	2,24		2,24	DCS: 2,24 ha	Xã Đăk Mar	Tờ bản đồ 43, 45	Nhu cầu của huyện
9	Đấu giá QSD đất thương mại dịch vụ và tài sản trên đất tại Nhà khách huyện Đăk Hà	TMD	0,80	0,80		0,80	TSC: 0,8 ha	Xã Đăk Mar	51 (22)	Nhu cầu của huyện
10	Đường đi khu sản xuất suối Đăk Lôi, thôn Kon Jong, xã Ngọc Réo	DGT	6,00	6,00	4,00	2,00	HNK: 1 ha; CLN: 1 ha	Xã Ngọc Réo	Bản đồ hiện trạng	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
11	Khu xử lý nước thải sinh hoạt tại thị trấn Đăk Hà	DCT	0,50	0,50		0,50	LUC: 0,5 ha	TT Đăk Hà	Bản đồ hiện trạng	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
12	Đường giao thông từ thôn Kon Gu II xã Ngọc Wang đi thôn 1 xã Đăk La, huyện Đăk Hà	DGT	5,00	5,00	4,00	1,00	CLN: 1 ha	Xã Ngọc Wang	Bản đồ hiện trạng	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
13	Điểm trường tiểu học - mẫu giáo Kon Teo Đăk Lấp	DGD	0,10	0,10		0,10	DKV: 0,1 ha	Xã Đăk Long	Bản đồ hiện trạng	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà

STT	Tên công trình	Mã	Tổng diện tích dự án	thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	tích hiện trạng (ha)	Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng vào diện tích từng loại đất	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số);	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Điểm trường tiểu học - mẫu giáo thôn (Kon Mriang)	DGD	0,15	0,15		0,15	CLN: 0,15 ha	Xã Đăk Ui	2 (47) Bản đồ GT 30 (104)	Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà
15	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk Pxi	ONT	0,18	0,18		0,18	CLN: 0,18 ha	Xã Đăk Pxi	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
16	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk Long	ONT	0,41	0,41		0,41	CLN: 0,41 ha	Xã Đăk Long	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
17	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk Hring	ONT	0,30	0,30		0,30	CLN: 0,3 ha	Xã Đăk Hring	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
18	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk Mar	ONT	1,12	1,12		1,12	CLN: 1,12 ha	Xã Đăk Mar	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
19	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk Ui	ONT	0,17	0,17		0,17	CLN: 0,17 ha	Xã Đăk Ui	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
20	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk Ngok	ONT	1,36	1,36		1,36	CLN: 1,36 ha	Xã Đăk Ngok	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
21	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Ngok Réo	ONT	0,10	0,10		0,10	CLN: 0,1 ha	Xã Ngok Réo	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
22	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Ngok Wang	ONT	0,34	0,34		0,34	CLN: 0,34 ha	Xã Ngok Wang	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
23	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Đăk La	ONT	2,00	2,00		2,00	HNK: 0,3 ha; CLN: 1,7 ha	Xã Đăk La	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
24	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại Xã Hà Mòn	ONT	1,90	1,90		1,90	HNK: 0,3 ha; CLN: 1,6 ha	Xã Hà Mòn	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
25	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại do thị không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai tại TT Đăk Hà	ODT	4,60	4,60		4,60	CLN: 4,6 ha	TT Đăk Hà	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
26	Đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Đăk Ngok (ông Vi Văn Sộng)	TMD	0,10	0,10		0,10	CLN: 0,1 ha	Xã Đăk Ngok	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
27	Đất Cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Đăk Ngok (thu mua chế biến sản phẩm nông nghiệp của ông Lê Tấn Ánh)	SKC	0,50	0,50		0,50	CLN: 0,5 ha	Xã Ngok Wang	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
28	Chuyển mục sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ - nhu cầu nhân dân	TMD	0,10	0,10		0,10	CLN: 0,1 ha	xã Ngok Réo	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
29	Đất chăn nuôi tập trung theo Nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên xã Đăk Pxi (thửa đất số 415, tờ bản đồ 45)	CNT	1,00	1,00		1,00	CLN: 1 ha	xã Đăk Pxi	45 (415)	Nhu cầu nhân dân
30	Đất nông nghiệp khác theo Nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Ngok Wang: Cơ sở nông nghiệp công nghệ cao (chăn nuôi kết hợp trồng cây ăn quả)	NKH	5,00	5,00		5,00	CLN: 5 ha	Xã Ngok Wang	50 (121, 127,126)	Nhu cầu nhân dân
31	Khu du lịch suối Đăk Lôi	TMD	1,00	1,00		1,00	CLN: 1 ha	Xã Ngok Réo	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu UBND xã Ngok Réo
32	Đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Hà Mòn - Đỗ Văn Thanh	TMD	0,10	0,10		0,10	CLN: 0,1 ha	Xã Hà Mòn	16 (777)	Nhu cầu nhân dân
33	Đầu nối thủy điện Plei Krông vào lưới điện Quốc gia	DNL	0,03	0,03	0,03	0,00	DNL	Xã Đăk La	Bản đồ hiện trạng	Nh cầu Công ty CP thủy điện Yaly
34	Đất chăn nuôi tập trung theo Nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Hà Mòn	CNT	3,50	3,50		3,50	CLN: 3,5 ha	Xã Hà Mòn	Bản đồ hiện trạng	Nhu cầu nhân dân
35	Đất chăn nuôi tập trung theo Nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Đăk Mar (ông Trần Phước Sỹ)	CNT	0,15	0,15		0,15	CLN: 0,15 ha	Xã Đăk Mar	30 (59)	Nhu cầu nhân dân
36	Đất thương mại dịch vụ theo nhu cầu hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Đăk Ui (ông Nguyễn Quốc Tiệp và ông Lê Quốc Hòa)	TMD	1,00	1,00		1,00	CLN: 1 ha	Xã Đăk Ui	27 (475) 25 (1837)	Nhu cầu nhân dân
37	Dự án - Đá làm vật liệu xây dựng thông thường Thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà	SKS	4,13	4,13	4,13	0,00	SKS	xã Đăk La	Nền bản đồ hiện	Quyết định số 19/QĐ-STNMT, ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá

[illegible]